TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2018.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Lò Văn Pọm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo*** *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2018/TLST-HN&GĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Tòng Thị D; sinh năm: 1990.

- Nơi ĐKHKTT: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Chỗ ở hiện nay: Bản T, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* Bị đơn: Anh Lò Văn L; sinh năm: 1988.

- Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06 tháng 3 năm 2018, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Tòng Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tòng Thị D và anh Lò Văn L kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/01/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L

uống rượu say không làm chủ được bản thân nên đã có hành vi đánh đập, ngược đãi đối với chị L. Giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình và chính quyền bản Chấng khuyên can, động viên nhưng anh L không thay đổi. Vì không thể sống chung nên chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Hiện tại chị D không còn tình cảm với anh L, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Tòng Thị D được ly hôn với anh Lò Văn L.

Về con chung: Chị Tòng Thị D và anh Lò Văn L có 02 người con chung, cháu Lò Thị M, sinh ngày 01/12/2008 và cháu Lò Thị Ngọc T; sinh ngày 10/01/2011. Hiện tại, các cháu đang sống chung với mẹ. Sau Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, thu nhập của chị hằng tháng từ làm nông nghiệp và chị có đi làm thêm lúc nông nhàn thu nhập hằng tháng thêm là 4.000.000đ, đủ đảm bảo nuôi các con ăn học, chị cũng có chỗ ở ổn định đảm bảo việc nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh Lò Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết việc giao con chung, cấp dưỡng nuôi con chung theo nguyện vọng của chị.

Về tài sản chung: Kể từ khi kết hôn anh chị có 01 bộ cột nhà nhưng chị để lại cho anh Lả sử dụng, không có tranh chấp, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành giao các thông báo, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lò Văn L, nhưng anh L không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Về cơ bản đã thực hiện đúng tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật HNGĐ năm 2014 và 147 BLTTDS về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện "Xin ly hôn, giao nuôi con chung" giữa nguyên đơn chị Tòng Thị D và anh Lò Văn L. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị như sau: Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Tòng Thị D và anh Lò Văn L đã không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm lẫn nhau nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị D. Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Lò Thị M và cháu Lò Thị Thúy N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho người con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí ly hôn cho chị Tòng Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung của chị Tòng Thị D và anh Lò Văn L thì được xác định là vụ án xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Tòng Thị D nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh Lò Văn L có nơi cư trú tại bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo thụ lý, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết và xác minh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Lò Văn L, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh L. Do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[1.2] Về Hôn nhân: Chị Tòng Thị D và anh Lò Văn L kết hôn với nhau ngày 11/01/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Tòng Thị D và anh Lò Văn L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị Tòng Thị D vì không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh L nên vào tháng 5/2016 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình để sinh sống từ đó cho đến nay. Khi sống ly thân giữa hai anh chị cũng không có sự quan tâm chia sẻ hay liên lạc với nhau. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; đã thông báo hợp lệ cho anh Lò Văn L để tham gia hòa giải và phiên tòa để có thể tiến hành hòa giải cho hai anh chị quay về đoàn tụ nhưng anh Lò Văn L không có mặt, qua đó thấy việc anh L không có thiện chí hòa giải quay về đoàn tụ. Cũng để đảm bảo tính khách quan, toàn diện Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Tòng Thị D và anh Lò Văn L thì được biết; từ khi chị D về nhà bố mẹ đẻ đến nay không quay lại chung sống với anh L nữa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng động viên chị D quay về đoàn tụ với anh L; nhưng chị D cho rằng trong quá trình chung sống giữa vợ chồng không thể hòa hợp, nhiều lần chị D bị ngược đãi, bạo hành vì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh L nên chị giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh L. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị D, cho chị Tòng Thị D ly hôn với anh Lò Văn L.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Tòng Thị D thì thấy: Từ khi chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì chị D đã tự mình chăm sóc,

nuôi dưỡng con chung cho đến nay và tại phiên tòa chị cũng khẳng định chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M và cháu T cho đến tuổi trưởng thành và cũng phù hợp với nguyện vọng được ở cùng với mẹ của cháu Lò Thị M và cháu Lò Thị Ngọc T. Chị D thấy rằng mình đủ điều kiện nuôi con, nên không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo điều kiện cho cháu M và cháu T phát triển lành mạnh về cả thể chất, trí tuệ, đạo đức và hơn nữa, cháu M và cháu T tuổi còn quá nhỏ nên không thể thiếu đi sự chăm sóc của người mẹ. Bởi vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị Tòng Thị D.

[3.2] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị có khai, vợ chồng chị có 01 bộ cột nhà hiện tại anh L đang quản lý; tuy nhiên chị để lại tài sản này cho anh L, chị không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4.2] Về nợ chung: Không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Tòng Thị D đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Tòng Thị D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị D được ly hôn với anh Lò Văn L.

3. Về con chung: Giao cho chị Tòng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị M, sinh ngày 01/12/2008 và cháu Lò Thị Ngọc T; sinh ngày 10/01/2011; cho đến khi cháu Lò Thị M và Lò Thị Ngọc T đủ 18 tuổi; anh Lò Văn L chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn L có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị D được miễn án phí ly hôn.

Chị Tòng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/6/2018); anh Lò Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga